TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **156** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23/10/2020
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮKLẮK

- ***Thành phần hộ đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến– Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 23/10/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk lăk đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/5/2020 về việc "*Tranh chấp hôn nhân gia đình*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2020/QĐXX-ST ngày 13/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trầm Thị Ngọc T – sinh năm 1983

Địa chỉ: xã Đ Ph, huyện Nh Tr, tỉnh Đ N (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Chí Q – sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đường Nguyễn Tri Ph, phường Th C, TP B, tỉnh Đ L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trầm Thị Ngọc T trình bày:

Bà Trầm Thị Ngọc T và ông Lê Chí Q tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ Ph, huyện Nh Tr, tỉnh Đ N vào năm 2011. Ông, bà có 02 con chung là cháu Lê Ngọc H – sinh ngày 01/12/2013 và cháu Lê Ngọc D – sinh ngày 09/8/2016.

Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và đã được gia đình hai bên hòa giải nên ông, bà đã đoàn tụ để cùng nhau nuôi dưỡng con cái. Đến năm 2016 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do ông, bà không chung sống cùng nhau, ông Quang không giúp đỡn bà Tuyền trong việc chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái. Cả hai đã cố gắng hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể hàn gắn được. Bà T và ông Q đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xác định không còn tình cảm với ông Q nên đề nghị tòa giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Chí Q.

Về con chung: Bà Trầm Thị Ngọc T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc H và cháu Lê Ngọc D cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trầm Thị Ngọc T không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trầm Thị Ngọc T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn ông Lê Chí Q nhưng ông Q không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã đi xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh Q cư trú thì

chính quyền địa phương cho biết ông Lê Chí Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa phương, thỉnh thoảng ông Q mới về địa phương.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho ông Lê Chí Q nhưng ông Q không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Chí Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trầm Thị Ngọc T và ông Lê Chí Q tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét về tình trạng hôn nhân quá trình duy trì quan hệ hôn nhân bà T và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông, bà không chung sống cùng nhau, ông Q không giúp đỡn bà T trong việc chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái, hiện nay bà T không còn tình cảm gì với ông Q nữa. Qua xác minh tại chính quyền địa phương cho biết về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Q thì địa phương không nắm được do ông Q học tập, kết hôn và sinh sống ở thành phố Hồ

Chí Minh thỉnh thoảng mới về địa phương. Tuy nhiên xét tình trạng hôn nhân hiện nay giữa bà T và ông Q đã sống ly thân từ năm 2016, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Q là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

……..

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Ngọc H – sinh ngày 01/12/2013 và cháu Lê Ngọc D – sinh ngày 09/8/2016. Bà T có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cả hai cháu còn rất nhỏ và đang do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Q không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung do đó để đảm bảo sự chăm sóc và phát triển của hai cháu cần tiếp tục giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Trầm Thị Ngọc T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82; 83; 107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;Áp dụng: khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trầm Thị Ngọc T. Bà Trầm Thị Ngọc T được ly hôn ông Lê Chí Q.

2. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Lê Ngọc H – sinh ngày 01/12/2013 và cháu Lê Ngọc D – sinh ngày 09/8/2016.

Giao cho bà Trầm Thị Ngọc T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc H và cháu Lê Ngọc D cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4**.** Về án phí: Bà Trầm Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà T đã nộp (do ông Nguyễn Ngọc Lân nộp thay) tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0007877 ngày 13 tháng 5 năm 2020.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền

kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

<u>Nơi nhận</u>:

- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BM
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Văn Tú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND X.Thuận Lộc, H. Hồng Lĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Tú

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đắk lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND P.Thành Công;
- Các đương sự;
- Lưu HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ VĂN TÚ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục Thi hành án Tp. BMT;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Tú